



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 44 (30/10-03/11/23)

Quá trình dò đáy ngắn hạn chưa sớm kết thúc

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Quá trình dò đáy ngắn hạn chưa sớm kết thúc*
2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV đã bơm ròng 48.25 nghìn tỷ trong tuần*
3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index dò đáy khi các chỉ báo kỹ thuật tiến sát vùng quá bán*
4. TIN VĨ MÔ: *GDP Q3/2023 của Hoa kỳ +4.9% QoQ, cao hơn dự báo +4.7% QoQ*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông +11.47%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Quá trình dò đáy ngắn hạn chưa sớm kết thúc*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1060.62	-4.28%
GTGD/phiên (tỷ VND)	14,081.99	-10.27%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1399.37	
HNX-INDEX	218.04	-4.56%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1836.66	-10.54%
Khối ngoại (tỷ VND)	74.55	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4117.37	-0.48%	-2.53%	-3.98%
EU (EURO STOXX)	4014.36	-0.87%	-0.26%	-3.84%
China (SHCOMP)	3017.78	0.99%	1.16%	-2.98%
Japan (NIKKEI)	30991.69	1.27%	-0.86%	-2.72%
Korea (KOSPI)	2302.81	0.16%	-3.04%	-6.58%
Singapore (STI)	3061.85	-0.31%	-0.48%	-4.83%
Thailand (SET)	1388.23	1.24%	-0.79%	-5.65%
Phillipines (PCOMP)	5961.99	-0.94%	-2.95%	-5.68%
Malaysia (KLCI)	1441.90	0.09%	0.06%	1.24%
Indonesia (JCI)	6758.79	0.66%	-1.32%	-2.61%
Vietnam (VNIndex)	1060.62	0.49%	-4.28%	-8.10%

TTCK VIỆT NAM

TT tiếp tục giảm điểm cùng với sự suy yếu của nhiều cổ phiếu lớn

VN-Index tiếp tục giảm thêm 4.3% trong tuần trước áp lực giảm mạnh của các cổ phiếu chủ chốt như VHM, MSN và GAS. Tâm lý thị trường suy yếu, khối ngoại đẩy mạnh bán ròng và thông tin bất lợi từ nhiều cổ phiếu lớn đã tiếp tục đẩy thị trường đi xuống sau gần 1 tuần tích lũy xung quanh 1,100 điểm. Đà giảm diễn ra trên diện rộng với 78% và 18/19 ngành mất điểm. Các ngành Dầu khí, Y tế, Hóa chất giữ giá các tuần trước đều giảm mạnh trên 6%. Trong một xu hướng giảm kéo dài, những cổ phiếu chưa giảm đều bị cuốn theo đà lao dốc chung của thị trường. KQKD quý III phân hóa khá mạnh và không tăng trưởng chưa là bộ đỡ quan trọng cho thị trường bắt đáy. Mặc dù thị trường có tín hiệu bắt đáy tích cực trong phiên cuối tuần. Quá trình dò đáy vẫn sẽ diễn ra trong tuần tới và NĐT vẫn cần tiếp tục kiên nhẫn chờ đợi cơ hội trong ngắn hạn.

Tính đến 25/10 theo FiinPro, 633/1609 công ty niêm yết công bố KQKD quý III với tổng mức LNST giảm 5.5% yoy. Ngành sụt giảm lợi nhuận gồm Ngân hàng, BĐS, Hóa chất, Hàng cá nhân và gia dụng trong khi Chứng khoán, dầu khí, công nghệ thông tin tăng trưởng. Số liệu tổng hợp của BSC trên HSX và HNX đến 27/10, 55% công ty niêm yết đã công bố LNST với mức tăng trưởng -18%, trong đó 50% công ty tăng trưởng dương; 9/30 công ty thuộc VN30 tăng trưởng -19.2% và 8/19 Ngân hàng tăng trưởng -12.5%. Các công ty có LNST tuyệt đối tăng mạnh nhất thuộc về nhóm tài chính gồm VND (+593 tỷ), VRE (+523 tỷ), ACB (+450 tỷ) trong khi VHM (-3,799 tỷ), VIC (-1,615 tỷ), và VPB (-1,305 tỷ). Mặc dù còn nhiều công ty lớn chưa công bố nhưng bức tranh KQKD quý III kém tích cực và có khả năng tăng trưởng âm.

TTCK THẾ GIỚI

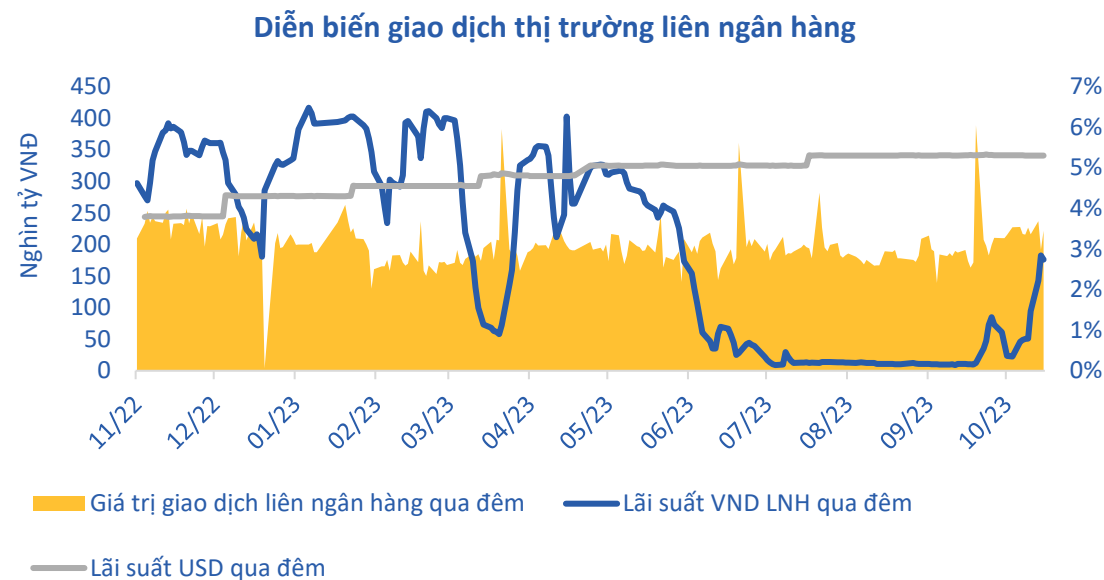
TTCK thế giới giảm điểm trong mùa công bố KQKD trước thông tin trái chiều

Lo ngại trước đà tăng của lợi tức trái phiếu kho bạc Hoa Kỳ, NĐT bỏ qua thông tin GDP quý III tăng trưởng mạnh. Các chỉ số CK Hoa Kỳ tiếp tục giảm bình quân 1.6%. Xu hướng giảm điểm thu hẹp tại TTCK Châu Âu và Nhật Bản khi EU600 và JP225 chỉ giảm lần lượt 0.1% và 0.9%. TTCK Trung Quốc là thị trường hiếm hoi tăng điểm trong sắc đỏ bao trùm TTCK Châu Á. Chỉ số DXY tăng trở lại 0.4% sau 1 tuần giảm nhẹ trước triển vọng kinh tế tích cực. Điều này đã kéo theo sự sụt giảm của chỉ số hàng hóa ở mức -1.5%. Mặc dù chiến sự tiếp tục căng thẳng ở Trung Đông, giá dầu dẫn đầu đà giảm -3.5%. Các mặt hàng kim loại cũng giảm ngoại trừ giá Thép HRC tăng 15%. Trong tuần tới, cuộc họp FOMC tháng 11 sẽ có tác động lớn đến các thị trường.

GDP Hoa Kỳ tăng 4.9%, mức mạnh nhất kể từ quý 4 năm 2021. GDP tăng cao hơn mức dự báo 4.7% và 2.1% của quý II nhờ chi tiêu tiêu dùng chiếm tỷ trọng 68% GDP tăng mạnh. Dữ liệu tăng trưởng tích cực cũng kéo theo quan điểm của nhiều chuyên gia cho rằng FED có thể tiếp tục tăng lãi suất vì kinh tế vẫn quá mạnh. Tuy nhiên, lãi suất cho vay thế chấp Hoa Kỳ kỳ hạn 30 năm có tuần tăng thứ 7 liên tiếp lên đến 7.9%, mức cao nhất trong 23 năm cùng với đà tăng của lợi tức trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Ngoài ra, ECB cũng giữ nguyên lãi suất ở mức 4.5% trong kỳ họp tháng 10 sau chuỗi tăng 10 lần liên tiếp cũng khiến cho thị trường cho rằng FED sẽ giữ nguyên lãi suất trong kỳ họp tháng 11 khi có đến 99.5% ủng hộ khả năng này theo FedWatch Tool.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng
Tuần 38	18/09/2023	22/09/2023	19,995.00	0.00	-19,995.00
Tuần 39	25/09/2023	29/09/2023	73,799.80	0.00	-73,799.80
Tuần 40	02/10/2023	06/10/2023	46,899.80	0.00	-46,899.80
Tuần 41	09/10/2023	13/10/2023	64,999.60	0.00	-64,999.60
Tuần 42	16/10/2023	20/10/2023	55,899.70	19,995.00	-35,904.70
Tuần 43	23/10/2023	27/10/2023	25,549.90	73,799.80	48,249.90



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	2.60%	2.79%	2.65%	2.87%	4.11%	5.33%	6.55%
So với tuần trước	1.70%	1.68%	1.41%	1.30%	0.77%	-0.27%	-0.39%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	216,685.67	7,126	5,410	4,795	1,157	375	101
So với tuần trước	-1.81%	-89.60%	-74.25%	-81.75%	-94.59%	-47.60%	129.55%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 25/10/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 43, SBV đã phát hành 25.55 nghìn tỷ đồng tín phiếu. Tổng kết lại, trong tuần, SBV đã bơm ròng 48.25 nghìn tỷ đồng qua OMOs.
- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng mạnh trong tuần và thanh khoản giảm.

PTKT VN-INDEX: VN-Index dò đáy khi các chỉ báo kỹ thuật tiến sát vùng quá bán

Đồ thị ngày: Sau 3 phiên giằng co quanh 1,100 điểm, VN-Index bắt đầu có phiên giảm lao dốc tạo khoảng trống giá và mở rộng xu hướng giảm ngắn hạn. Cây nến dragonfly doji cuối tuần cho thấy lực cầu đang trở lại ở vùng giá thấp nhưng cũng chưa cho thấy sự đảo chiều ngắn hạn khi thanh khoản giữ ở mức trung bình. Đường giá bám đường bollinger band và hướng xuống dưới. Cùng với đó, các chỉ báo kỹ thuật chưa đi vào vùng quá bán cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn đang chiếm ưu thế.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

RSI giảm từ 37 xuống 31 điểm.

MACD cắt đường tín hiệu từ trên xuống, mở rộng với mức 0. Thanh khoản giảm 3% so tuần.

VN-Index giảm dưới SMA200 đồ thị ngày.

Kết luận: VN-Index vẫn đang nằm trong kênh giá giảm điểm trong ngắn hạn. Những nhịp hồi phục kỹ thuật chưa đồng nghĩa tín hiệu tạo đáy. Chỉ số cần những phiên kiểm tra đáy ngắn hạn và vượt lại 1,113 điểm với thanh khoản cải thiện để xác nhận xu hướng điều chỉnh suy yếu trước khi bước sang trạng thái hồi phục. Cho dù, VN-Index đã phản ứng tích cực tại Fibonacci 50% của nhịp tăng từ tháng 11/2022 đến nay nhưng trường hợp thị trường tiếp tục suy yếu thì chỉ số có thể tiếp tục giảm về Fibonacci 61.8% tại 1,018 điểm. Do vậy, chỉ số cần thêm một vài phiên giao dịch để có thể đánh giá về xu hướng hiện tại khi xu hướng giảm điểm vẫn chi phối thị trường.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: GDP Q3/2023 của Hoa kỳ +4.9% QoQ, cao hơn dự báo +4.7% QoQ

VIỆT NAM:

- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội: Nền kinh tế khát vốn nhưng khó hấp thụ vốn, lãi suất cho vay giảm rất chậm đồng thời các động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế chậm lại, thậm chí suy giảm và đang chịu áp lực rất lớn từ bên ngoài.
- Thủ tướng: ban hành công điện số 993/CT-TTg ngày 24/10/2023 về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường bất động sản an toàn, lành mạnh, bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong đó yêu cầu NHNN chỉ đạo các ngân hàng tiếp tục thúc đẩy cho vay lĩnh vực bất động sản, có chính sách khuyến mại tín dụng đặc biệt dành cho các dự án BĐS khả thi, tiến độ triển khai nhanh, tạo động lực cho tăng trưởng và thúc đẩy thị trường bất động sản.
- Chính phủ: Chính phủ dự kiến vay 676,057 tỷ đồng, trong đó gần 55.2% vay bù đắp bội chi ngân sách. An toàn nợ công được bảo đảm trong phạm vi mục tiêu trần, ngưỡng cảnh báo được Quốc hội phê duyệt.
- Bộ Tài Chính: Bộ trưởng cho biết thu NSNN thực hiện 9T2023 bằng 75.5% dự toán, dự toán thu NSNN năm 2024 tăng khoảng 5% so với 2023. Về chi NSNN, 9T2023 ước thực hiện bằng 59.7% dự toán. Về cân đối NSNN năm 2023, căn cứ đánh giá thu và chi NSNN, ước bội chi NSNN khoảng 4% GDP.
- Kho Bạc Nhà nước: Kho bạc Nhà nước vừa thông báo sẽ thực hiện đấu thầu trái phiếu Chính phủ qua SGDCK Hà Nội với số tiền 130,000 tỷ đồng, bao gồm cả khối lượng phát hành cho BHHX Việt Nam. Số lượng và kỳ hạn dự kiến: 5 năm là 23 nghìn tỷ, 7 năm là 2 nghìn tỷ, 10 năm là 40 nghìn tỷ, 15 năm là 55 nghìn tỷ, 20 năm là 5 nghìn tỷ và 30 năm là 5 nghìn tỷ đồng.
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VMBA) kiến nghị giảm VAT cho tất cả các loại hàng hoá, dịch vụ xuống 8% trong 6 tháng năm 2024.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: GDP nước này đã tăng 4.9% trong Q3/2023, cao hơn dự báo tăng 4.7% của các chuyên gia và cũng cao hơn mức tăng 2.1% của Quý 2. Đây là mức tăng mạnh nhất kể từ quý IV/2021
- ECB: đã quyết định giữ nguyên lãi suất, chấm dứt chuỗi 10 lần tăng liên tiếp như vậy lãi suất tiền gửi của ECB vẫn ở mức cao kỷ lục 4% trong khi lãi suất cơ bản ở mức 4.5%
- Trung Quốc: Hong Kong lần đầu nói kiểm soát bất động sản sau 13 năm: sẽ giảm nửa thuế trước bạ với người mua nhà, từ ngày 25/10 người nước ngoài mua nhà tại sẽ chỉ phải trả thuế trước bạ 15% - thay vì 30%. Người Hong Kong mua nhà thứ hai sẽ trả 7.5% thuế, thay vì 15%, người bán cũng sẽ được miễn thuế nếu sở hữu nhà đủ 2 năm - trước đó họ phải giữ đủ 3 năm.
- Bloomberg: Country Garden được cho là đã vỡ nợ cụ thể Doanh nghiệp lỗ hạn thanh toán 15.4 triệu USD lãi trái phiếu USD vào cuối thời gian ân hạn 30 ngày, sau khi lỗ hạn ban đầu ngày 17/9.
- Bloomberg: Vingroup huy động 300 triệu USD trái phiếu, lãi suất 9.5 - 10%/năm, có thể hoán đổi thành cổ phiếu VHM với giá trên 50,000 đồng/cổ phiếu
- Reuters: Việt Nam đẩy mạnh giải pháp thanh toán, hướng tới nâng hạng TTCK, cụ thể theo Reuters Việt Nam dự định nới lỏng quy định thanh toán cổ phiếu với các nhà đầu tư nước ngoài.

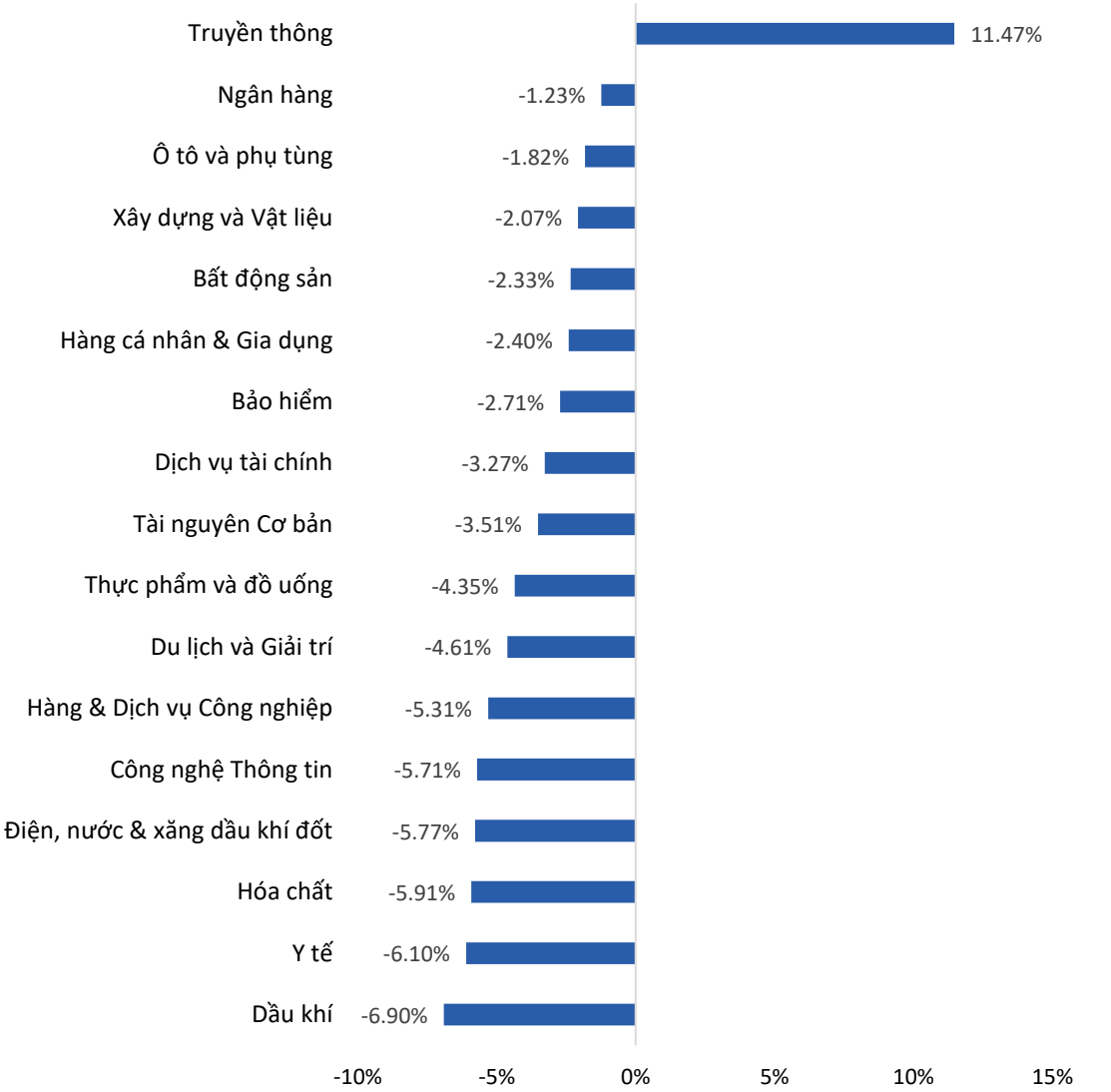
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- KQKD quý III của các công ty niêm yết.
- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 10/2023.
- 30/10, CPI Tây Ban Nha, Ý, Đức; Doanh thu bán lẻ Úc. 31/10, Doanh thu bán lẻ, thất nghiệp, chỉ số công nghiệp. lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ Nhật Bản; PMI Trung Quốc; CPI tháng 9 công bố lần đầu EU; GDP Canada; PMI và chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ. 1/11, PMI Anh, Canada, Trung Quốc, Hoa Kỳ. 2/11, Cuộc họp chính sách tiền FOMC tháng 11, đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ; Lãi suất và biên bản lãi suất BOE. 3/11, Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Truyền thông	4.35%	11.47%	27.18%	YEG	28.03%		
Ngân hàng	1.28%	-1.23%	-4.78%	VCB	-2.40%	VPB	-3.46%
Ô tô và phụ tùng	0.57%	-1.82%	-2.19%	VEA	-1.07%	0	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	1.80%	-2.07%	-3.83%	CTD	7.74%	HT1	1.83%
Bất động sản	-1.57%	-2.33%	-6.68%	VHM	1.21%	KDH	-0.61%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	85.54	2.80%	-2.88%	-3.67%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	90.48	2.90%	-1.82%	-1.87%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	231.25	2.50%	-2.57%	-3.63%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2006.37	1.09%	1.26%	8.53%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.1199	1.43%	-1.09%	4.24%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1319.5	1.48%	-0.06%	1.93%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	575.5	-0.69%	-1.79%	6.28%		AFX
Sữa	USD/cwt	17.29	-0.75%	-4.42%	-1.20%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	256	-1.31%	-1.46%	8.80%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	27.34	1.11%	1.82%	3.25%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	160.95	-0.16%	-2.60%	10.13%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8099	1.42%	1.89%	-2.07%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3694	0.65%	1.79%	-0.16%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2220	1.02%	1.76%	-5.41%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	878	0.80%	2.57%	3.11%		HPG
Than đá	USD/MT	141.1	-0.14%	-6.25%	-15.28%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	3815	0.79%	1.79%	0.45%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
BID	0.04%	1.92
SSB	0.05%	0.68
LPB	0.05%	0.39
VCB	0.00%	0.28
HAG	0.07%	0.14
DIG	0.04%	0.12
DXG	0.04%	0.10
CTD	0.07%	0.08
YEG	0.22%	0.06
SBT	0.02%	0.05
Tổng		3.82

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-0.12%	-5.83
MSN	-0.16%	-4.05
GAS	-0.07%	-2.71
VPB	-0.06%	-2.39
VNM	-0.06%	-2.27
SAB	-0.10%	-2.24
VRE	-0.14%	-2.18
FPT	-0.06%	-1.89
VIC	-0.04%	-1.69
HPG	-0.04%	-1.47
Tổng		-26.72

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	547.86	
DGC	234.12	
STB	163.06	
IDC	109.51	
KBC	74.67	
PVS	74.23	
FPT	56.30	
GMD	51.43	
FRT	42.64	
VCB	37.92	
Tổng	1,391.74	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MWG	-268.55	
VIC	-266.79	
MSN	-235.28	
SSI	-203.37	
FUEVFN	-160.34	
VRE	-148.38	
VIX	-131.17	
HDB	-116.74	
SHS	-116.29	
VND	-96.53	
Tổng	-1743.45	

Vận động cổ phiếu VN30			
CTG	100.0038	101.5728	-3.20%
FPT	114.1545	103.9591	24.55%
GAS	103.5637	105.6015	6.07%
HDB	101.2475	103.1133	0.59%
SSI	116.5784	100.9633	17.89%
STB	104.3528	101.4696	3.86%
VCB	100.309	100.1111	-3.95%
VNM	103.1146	103.6283	5.60%
VPB	100.4678	102.0586	6.62%
ACB	98.99894	101.4667	-0.91%
BCM	87.82142	100.833	-13.45%
BID	96.24192	101.2204	-8.76%
BVH	93.19715	101.4501	-10.47%
PLX	95.72558	100.2033	-10.28%
SAB	92.3272	103.0377	-9.14%
VJC	98.65757	104.8536	3.30%
VRE	95.79201	100.4116	-2.31%
GVR	105.6416	97.81248	-6.05%
HPG	102.5887	97.24559	-7.59%
MBB	102.4672	99.98068	-0.61%
MWG	107.0906	97.6635	-0.69%
SHB	100.9599	95.24806	-12.01%
TCB	100.7792	99.86811	1.26%
MSN	94.48833	98.59063	-8.55%
POW	89.82061	98.54194	-15.47%
SSB	94.54878	98.27784	-16.38%
TPB	97.87022	99.09206	-10.64%
VHM	89.04393	92.60081	-16.42%
VIB	99.67135	99.21028	-8.78%
VIC	93.06507	94.16069	-11.63%

Hồi
phục

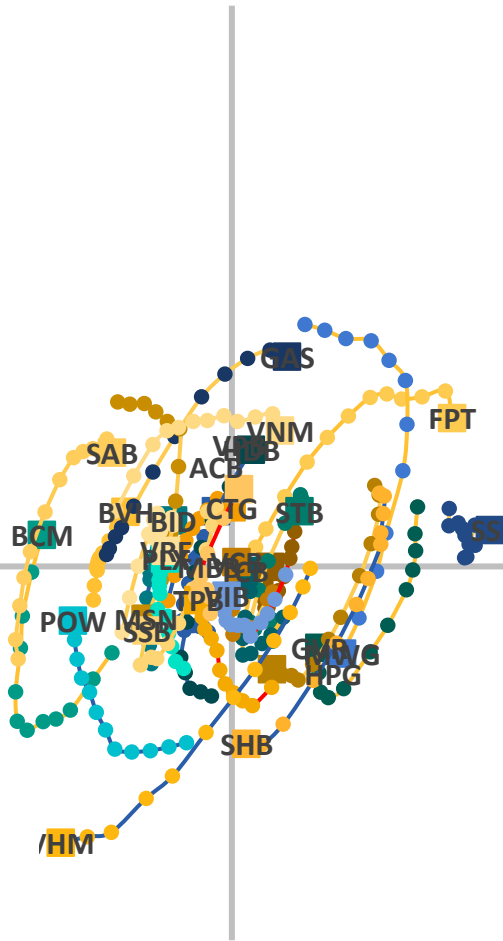
Tích
cực

JdK RS-Momentum

Tiêu
cực

Suy
yếu

JdK RS-Ratio

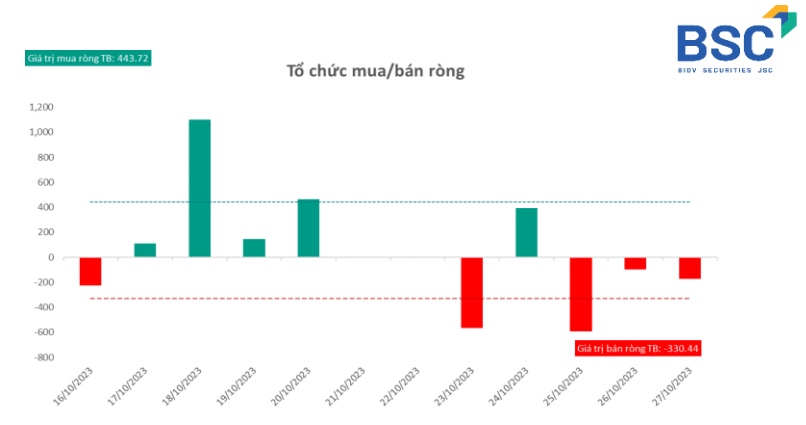
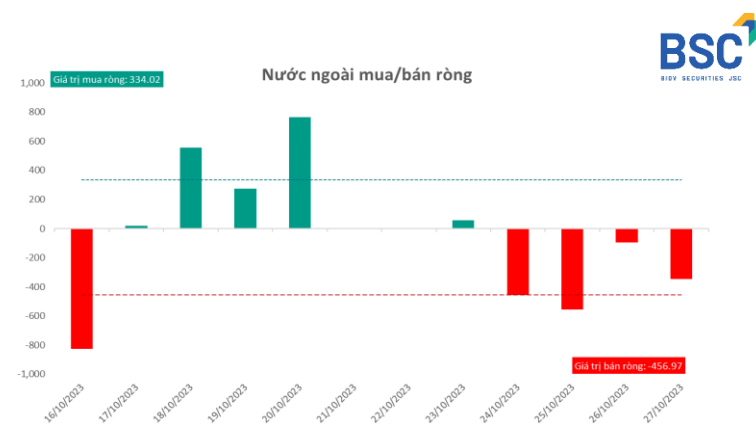
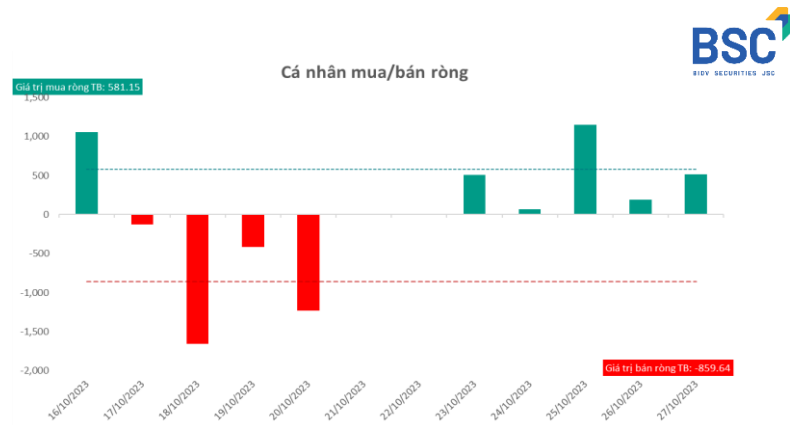


Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFN	6,458,800	154.51	FPT	1,510,325	-137.47	VHM	12,090,005	547.86	MWG	6,174,538	-268.55	VIC	7,349,175	309.90	VHM	9,918,005	-452.44
FUESSVFL	1,237,500	22.27	HPG	4,445,701	-105.11	DGC	2,683,947	234.12	VIC	6,346,485	-266.79	MSN	4,435,046	278.77	DGC	2,614,397	-227.55
DGC	245,500	21.18	STB	3,649,805	-103.74	STB	5,638,617	163.06	MSN	3,755,746	-235.28	MWG	4,943,138	219.64	KBC	2,734,900	-83.00
POW	1,936,675	21.01	VPB	3,847,100	-80.82	KBC	2,473,200	74.67	SSI	6,783,355	-203.37	SSI	6,697,255	202.91	FRT	724,008	-67.02
FRT	201,200	18.43	GMD	1,108,100	-65.73	FPT	606,646	56.30	FUEVFN	6,676,330	-160.34	VRE	7,898,170	193.00	VCB	564,268	-49.45
VIX	1,110,400	15.33	VNM	834,900	-58.99	GMD	875,987	51.43	VRE	6,069,060	-148.38	VPB	9,083,688	188.42	EVF	3,891,500	-48.02
CMG	259,000	11.76	EIB	2,003,500	-38.96	FRT	460,308	42.64	VIX	9,231,940	-131.17	DPM	5,555,695	180.78	HAG	5,422,979	-46.93
GEX	513,000	10.06	CTG	1,220,600	-34.41	VCB	440,908	37.92	HDB	6,750,292	-116.74	HPG	7,526,082	178.72	BSI	976,700	-36.61
BCM	145,800	8.90	MSN	349,100	-23.47	BSI	982,100	36.80	VND	4,926,196	-96.53	EIB	9,511,105	176.95	PC1	1,294,400	-34.28
DXG	451,000	7.89	MWG	461,600	-22.57	HDG	1,222,150	31.42	DPM	2,878,995	-96.05	VND	7,493,196	144.90	HHV	2,125,525	-34.13

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	85	0.60%	0.90	19,343.00	2.70	5,797.00	14.70	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	42	3.60%	0.70	8,651.00	1.50	4,025.00	10.40	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	20.2	0.00%	0.90	6,526.00	4.70	1,727.00	11.70	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	29.6	-0.80%	1.50	4,232.00	4.70	5,059.00	5.80	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	17.4	1.50%	1.30	3,705.00	6.40	3,496.00	5.00	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	28.7	2.10%	0.90	2,203.00	19.70	3,600.00	8.00	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	19.3	1.00%	1.80	3,143.00	1.20	714.00	27.00	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	28.5	-0.20%	1.70	891.00	7.00	4,368.00	6.50	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	47.1	0.20%	1.60	633.00	7.30	3,969.00	11.90	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	48.9	3.60%	1.90	893.00	1.50	2,651.00	18.40	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	23.4	2.40%	2.00	5,528.00	14.30	(328.00)	-71.20	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	39.2	-6.20%	1.40	6,950.00	29.00	10,341.00	3.80	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	-6.90%	1.10	2,119.00	12.10	1,588.00	14.40	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	29.6	-0.70%	1.80	963.00	2.00	1,280.00	23.10	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	33.9	3.40%	1.40	530.00	3.00	1,582.00	21.40	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	85	0.00%	1.60	1,314.00	6.30	10,728.00	7.90	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	31.9	0.90%	0.80	508.00	3.80	6,403.00	5.00	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	28.5	2.20%	1.10	614.00	3.70	4,286.00	6.70	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	77.6	2.80%	0.50	7,257.00	1.20	5,567.00	13.90	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	33	0.30%	0.90	1,707.00	0.90	2,125.00	15.50	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	37.1	4.20%	1.10	722.00	7.40	1,953.00	19.00	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	25.8	2.60%	1.30	584.00	8.00	449.00	57.50	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11	1.90%	0.70	1,049.00	1.60	602.00	18.30	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	68	1.50%	0.50	5,786.00	5.00	3,935.00	17.30	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	57.8	-5.90%	1.10	3,367.00	10.30	916.00	63.10	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	42	0.00%	1.70	2,501.00	8.00	1,069.00	39.30	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	73.6	-0.50%	0.70	983.00	1.00	5,503.00	13.40	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	70	-1.40%	0.60	523.00	0.80	7,080.00	9.90	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	62.5	5.90%	0.60	778.00	2.70	7,470.00	8.40	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	87	0.20%	0.60	4,499.00	7.20	4,573.00	19.00	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	28.2	-0.50%	0.90	5,518.00	3.30	3,664.00	7.70	1.20	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	21.6	2.10%	0.90	3,408.00	2.80	3,722.00	5.80	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	17.2	1.50%	0.80	2,032.00	5.10	2,765.00	6.20	1.30	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	15.3	7.00%	1.00	1,593.00	4.00	1,410.00	10.90	1.60	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	18.1	4.30%	1.40	1,870.00	1.80	3,534.00	5.10	1.40	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	18.5	1.10%	2.00	917.00	16.30	467.00	39.60	1.50	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	16.2	1.20%	1.10	1,452.00	1.50	2,697.00	6.00	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	29.4	2.60%	1.50	1,798.00	24.00	1,090.00	27.00	2.00	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	15.1	2.70%	2.00	175.00	3.80	318.00	47.50	6.10	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	10.7	0.90%	1.80	-	0.50	445.00	24.00	1.00	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	54.8	6.80%	1.90	221.00	4.50	681.00	80.40	0.70	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	14	0.40%	1.60	188.00	2.40	919.00	15.20	0.50	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	11	2.30%	2.20	84.00	1.60	482.00	22.60	0.80	3.10%	3.80%
BCM	KCN	59	-1.00%	0.70	2,486.00	0.50	418.00	141.20	3.50	2.70%	1.70%
HUT	KCN	19.1	0.50%	1.40	694.00	2.90	56.00	338.00	4.70	2.00%	1.30%
PHR	KCN	44.8	-0.90%	1.20	247.00	0.60	6,568.00	6.80	1.70	15.40%	26.90%
SZC	KCN	36.8	2.10%	1.70	180.00	1.50	1,405.00	26.20	2.70	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	17.6	6.30%	2.20	443.00	6.70	(2,105.00)	-8.40	1.10	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	11.5	0.90%	1.40	179.00	0.10	176.00	65.40	0.90	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	18	4.00%	2.50	193.00	3.50	(2,655.00)	-6.80	0.90	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	55.5	-0.90%	0.90	151.00	0.60	5,309.00	10.50	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	23.4	-2.30%	1.70	72.00	1.30	1,482.00	15.80	0.90	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	13.3	3.10%	2.10	1,056.00	13.90	(295.00)	-45.00	0.70	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	17.4	6.70%	2.90	432.00	14.10	(317.00)	-54.90	0.80	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	31.5	5.40%	1.40	173.00	2.70	2,190.00	14.40	2.30	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	21.2	6.80%	2.80	525.00	20.60	152.00	138.90	1.70	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	12.8	1.20%	1.90	131.00	0.60	1,597.00	8.00	0.90	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.6	2.80%	1.50	-	5.10	1,596.00	11.70	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	25.2	-1.60%	0.60	332.00	5.10	2,993.00	8.40	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	28	0.40%	1.50	92.00	0.10	1,353.00	20.70	1.80	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	22.2	2.30%	1.00	107.00	0.10	1,980.00	11.20	1.50	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	55	-1.80%	0.70	915.00	1.40	6,445.00	8.50	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	19.9	2.60%	1.70	690.00	7.20	384.00	51.80	0.90	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	23	2.40%	0.60	270.00	0.30	2,560.00	9.00	1.40	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	25.9	1.80%	1.60	322.00	0.80	2,739.00	9.50	1.20	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	26.4	2.10%	1.60	291.00	2.40	944.00	28.00	1.30	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	12.6	-0.40%	0.70	174.00	0.30	636.00	19.70	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	7.6	0.50%	2.70	166.00	1.80	(79.00)	-97.30	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	63.1	-4.70%	0.30	3,295.00	2.60	3,518.00	17.90	3.30	62.30%	18.70%
QNS	F&B	46.3	0.90%	0.50	-	0.70	4,965.00	9.30	2.10	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	92.8	-0.10%	1.10	515.00	1.30	(327.00)	-283.50	7.90	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	48.6	-3.50%	2.20	330.00	3.30	2,984.00	16.30	3.60	23.60%	21.90%
DBC	F&B	21	1.50%	2.00	203.00	4.40	551.00	37.40	1.10	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	23.6	0.00%	2.40	102.00	0.70	837.00	28.20	1.30	1.40%	5.70%
BAF	F&B	23.1	1.80%	0.70	135.00	2.50	1,225.00	18.90	1.90	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	29.4	-5.30%	1.70	159.00	3.60	2,162.00	13.60	1.50	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	24.9	2.30%	0.50	135.00	1.10	1,370.00	18.20	1.00	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	31.8	0.00%	1.10	137.00	2.70	5,742.00	5.50	1.10	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	75	1.80%	1.30	349.00	0.40	4,238.00	17.70	5.20	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	18.2	4.60%	1.30	84.00	0.90	2,353.00	7.70	1.40	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

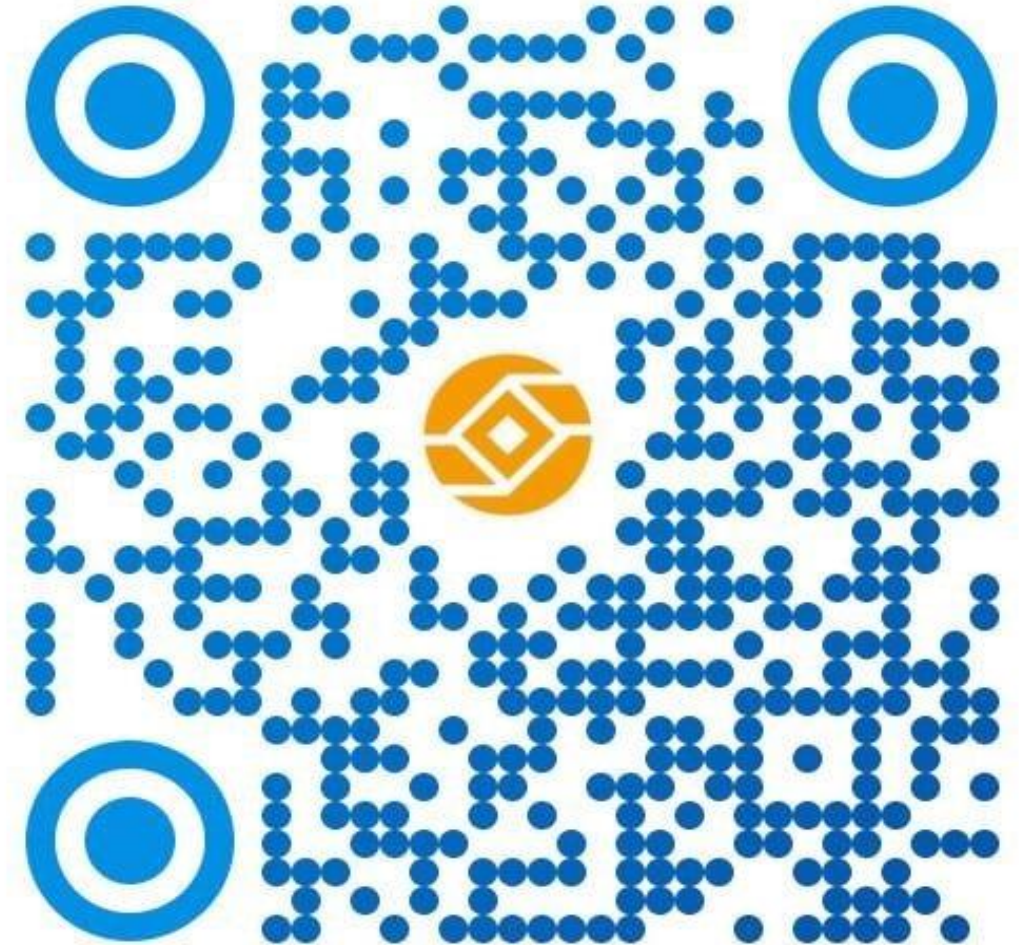
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký